

Số: 11/2026/QĐST-LĐ

Hưng Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Quách Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-VDS ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2026/QĐ-MPH ngày 24 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Hưng Yên.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH M (Trước đây là Công ty TNHH M1); Địa chỉ: Lô A, A, A3, A4, A5, A9, A11, Đường T, khu công nghiệp P, phường V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ZHANG RUI - Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Sun Xi C – Phó tổng giám đốc Công ty.

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị H – Nhân viên Phòng nhân sự (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2026).

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh H; Địa chỉ: Số F, phố H, phường P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K – Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở T1.

2.3. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Hưng Yên.

(Những người tham gia tố tụng đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tháng 9/2009, bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng lao động với công ty TNHH M2 công việc chính là công nhân bộ phận mài ống, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên khi ký hợp đồng lao động với công ty bà Nguyễn Thị N đã mượn giấy tờ (chứng minh nhân dân) của cháu họ bà là chị Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/12/1978 số chứng minh nhân dân 151236181 để kí hợp đồng lao động. Sau đó đến tháng 01 năm 2016 thì bà Nguyễn Thị N nghỉ việc ở Công ty. Như vậy, mặc dù trên thực tế bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/09/1969 là người lao động và làm việc tại công ty, nhưng trên hợp đồng lao động thì mang tên là Đỗ Thị H1, số sổ bảo hiểm xã hội là: 3410002552. Đến tháng 01/2016 trong quá trình rà soát lại hợp đồng lao động thì phát hiện ra có 2 số sổ bảo hiểm trùng nhau nên công ty TNHH M2 (nay là công ty TNHH M) đã cho bà N nghỉ việc. Gần đây khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến bảo hiểm, bà N nhận thấy hành vi trên của bà là không đúng nên bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) đã ký với chị Đỗ Thị H1 (thực tế là người lao động là bà Nguyễn Thị N ký) từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 01 năm 2016 là vô hiệu do lừa dối và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH M trình bày:

Công ty TNHH M trước đây là Công ty TNHH M1, từ ngày 07/8/2017 đổi tên thành Công ty TNHH M, đến ngày 16/12/2021 đổi tên thành Công ty TNHH M.

Đối với dữ liệu về ký hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M1 và chị Đỗ Thị H1 trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016, do hiện người lao động đã nghỉ việc tại Công ty gần 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu trữ hồ sơ, vì vậy hiện tại công ty không còn lưu trữ hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án theo như yêu cầu.

Về số tiền bảo hiểm Công ty TNHH M1 đã đóng cho bà Đỗ Thị H1 trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016, đề nghị Tòa án làm việc với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh H để được cung cấp thông tin, số tiền cho chính xác. Bà Đỗ Thị H1 có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện tại Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh H trình bày: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm y tế của chị Đỗ Thị H1, sinh này 10/12/1978 từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 tại Công ty TNHH M1 là 06 năm 05 tháng (chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần và trợ

cấp thất nghiệp). Tổng số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện là 45.557.698 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 31.279.386 đồng, người lao động đóng 14.278.312 đồng (có bảng chi tiết kèm theo). Việc cung cấp hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M1 với chị Đỗ Thị H1 từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 do thời gian đã lâu, chuyển kho lưu trữ hồ sơ nhiều lần gặp mưa bão dẫn hồ sơ bị ẩm mốc, mỗi một nên hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên không lưu giữ hợp đồng lao động của người lao động, đề nghị Tòa án liên hệ với Công ty TNHH M hoặc cá nhân chị Đỗ Thị H1 để có hợp đồng lao động của chị Đỗ Thị H1. Việc chị Đỗ Thị H1 cho bà Nguyễn Thị N mượn hồ sơ của mình để giao kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tự nguyện, nay bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – tỉnh Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị N (nhưng lấy tên là Đỗ Thị H1) với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 theo số sổ 3410002552 là vô hiệu, BHXH tỉnh Hưng Yên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị H1 trình bày:

Do không hiểu biết pháp luật, trong thời điểm tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 chị có cho bà Nguyễn Thị N mượn chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị H1 để bà N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M). Trên thực tế chị chưa làm việc tại ty TNHH may N1 ngày nào. Trong khoảng thời gian đó chị đang làm việc tại Công ty TNHH M có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M. Như vậy thời điểm từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 là 02 người cùng sử dụng chứng minh nhân dân số 151236181 mang tên là Đỗ Thị H1 để đóng bảo hiểm xã hội, nhưng thực tế bà Nguyễn Thị N dùng chứng minh nhân dân của chị H1 để đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M2 (nay là Công ty TNHH M) sổ bảo hiểm xã hội số 3410002552. Chị đồng ý với yêu cầu của bà N về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà N (mang tên Đỗ Thị H1) và Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2016 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) và chị Đỗ Thị H1 (do bà Nguyễn Thị N ký) trong thời gian từ tháng

9/2009 đến tháng 01/2016 là vô hiệu toàn bộ và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) có địa chỉ: Đường T, khu công nghiệp P, phường V, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 01/7/2025.

[1.2] Các đương sự trong vụ việc đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục phiên họp theo trình tự vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Áp dụng pháp luật: Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) và chị Đỗ Thị H1 (do bà Nguyễn Thị N ký) vào năm 2009 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Đỗ Thị H1 (do bà Nguyễn Thị N ký) và Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 là vô hiệu thì thấy: Theo văn bản số 1767/LĐTĐBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và B hướng dẫn về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động thì thấy: Việc bà Nguyễn Thị N mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Đỗ Thị H1 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật

Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ:

Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (Hồ sơ mượn tên chị Đỗ Thị H1) với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) nhưng trên thực tế bà Nguyễn Thị N có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho bà N (mang tên chị H1), số sổ bảo hiểm là 3410002552. Do đó bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Đỗ Thị H1 thành Nguyễn Thị N để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N: Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) và chị Đỗ Thị H1 (do bà Nguyễn Thị N ký) trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2016 là vô hiệu toàn bộ.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu toàn bộ: Bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Đỗ Thị H1 thành Nguyễn Thị N để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001829 ngày 13/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền lệ phí, nghĩa vụ nộp lệ phí của bà N đã thực hiện xong.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**Đào Thị Xuân Quỳnh**